

Số: 229/2019/QĐST-HNGĐ

Thủy Nguyên, ngày 10 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 332/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Lê Thị N, sinh năm 1950 và ông Vũ Văn N, sinh năm 1953; đều có địa chỉ: Thôn N, xã D, huyện T, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N đã chung sống như vợ chồng từ năm 1971 không vi phạm các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội (trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987); nay hai bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 5 năm 2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N thống nhất có ba con chung tên là Vũ Thị N sinh ngày 26/01/1978, Vũ Văn C sinh ngày 26/6/1982 và Vũ Đức V sinh ngày 20/9/1985, ba con hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N thống nhất có tài sản chung để tự giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị N nhận nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Lê Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N có ba con chung tên là Vũ Thị N sinh ngày 26/01/1978, Vũ Văn C sinh ngày 26/6/1982 và Vũ Đức V sinh ngày 20/9/1985. Ba con hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà Lê Thị N và ông Vũ Văn N có tài sản chung, tự giải quyết với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị N nhận nộp lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Lê Thị N là người cao tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên được miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- VKSND huyện T, thành phố H;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã D, huyện T, thành phố H;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Vân